

# CHƯƠNG 3: NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ

cuuduongthancong.com

cuuduongthancong.com

# NỘI DUNG



1 Khái niệm nguyên tắc quản lý



2 Đặc trưng của nguyên tắc quản lý



3 Vai trò của nguyên tắc quản lý



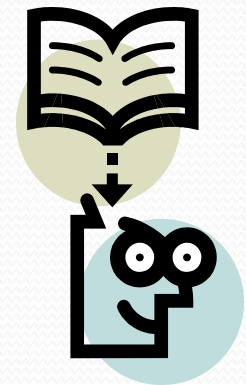
4 Các nguyên tắc quản lý cơ bản

# Khái niệm nguyên tắc (1)

- ❑ Thuật ngữ “**nguyên tắc**” có nguồn gốc từ tiếng La-tinh *principium* có nghĩa là luận điểm cơ bản, cơ sở, nền tảng, nguồn gốc;
- ❑ Tiếng Hán: *nguyên* là gốc, *tắc* là suy nghĩ, hành động  
Nguyên tắc là căn gốc điều chỉnh suy nghĩ, hành động của con người.
- ➔ ***Nguyên tắc: các quy định, quy tắc xử sự do chủ thể sử dụng trong suốt quá trình hoạt động nhằm đạt hiệu quả hoạt động hoặc các mục đích khác.***

# Khái niệm nguyên tắc (2)

- ✓ Nguyên tắc có thể do cá nhân/nhóm/tổ chức đặt ra.
- ✓ Nguyên tắc điều chỉnh hành vi sao cho phù hợp với mục tiêu.
- ✓ Nguyên tắc tồn tại dưới nhiều dạng khác nhau.



# Khái niệm nguyên tắc quản lý

- Các tiếp cận khác nhau về nguyên tắc quản lý:
  - ❖ F.W Taylor: Các nguyên tắc gắn liền với sự phân công lao động trong quản lý.
  - ❖ H. Fayol: Nguyên tắc quản lý là phương hướng của hoạt động quản lý – 14 nguyên tắc quản lý cơ bản.
  - ❖ H. Koontz: Nguyên tắc có nghĩa là chân lý cơ bản, có khả năng áp dụng vào một tập hợp các hoàn cảnh mà chúng có khả năng dự báo kết quả.

# Khái niệm nguyên tắc quản lý

*Nguyên tắc quản lý là hệ thống những quan điểm QL có tính định hướng và những quy định, quy tắc bắt buộc chủ thể phải tuân thủ trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ nhằm hoàn thành mục tiêu của tổ chức*

## HT quan điểm quản lý

- Mang tính định hướng
- Là yếu tố động
- Có tính khuyến cáo
- Hình thức: triết lý QL, quy luật, phương châm,...



## HT quy định và quy tắc quản lý

- Mang tính bắt buộc
- Hình thức: pháp luật, nội quy, quy chế,...

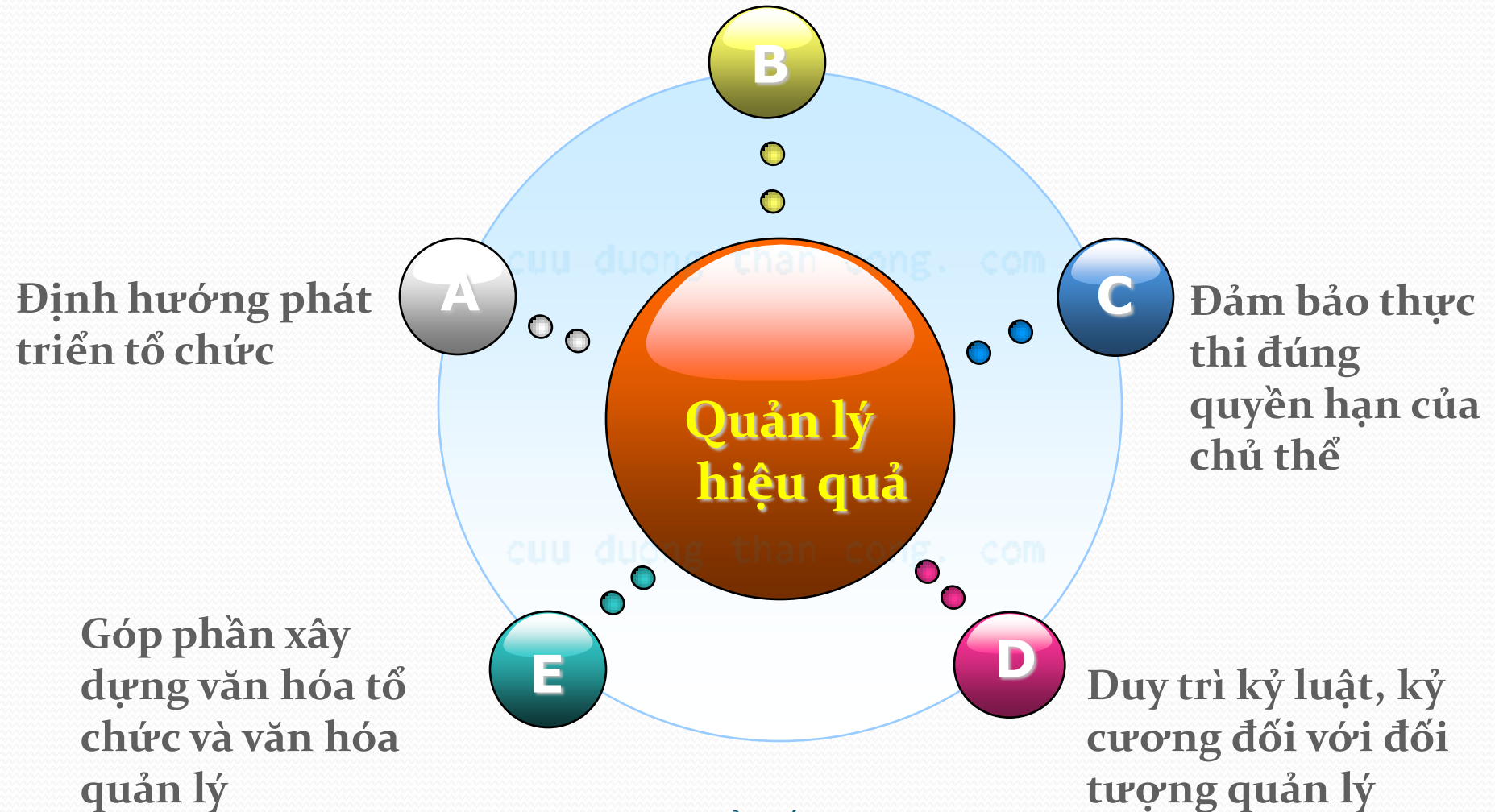
# Đặc trưng của nguyên tắc quản lý

- Tính khách quan
- Tính phổ biến
- Tính ổn định
- Tính bắt buộc
- Tính bao quát



# Vai trò của nguyên tắc quản lý

Duy trì sự ổn định của tổ chức



3/9/2012

KHOA KHOA HỌC QUẢN LÝ



# THẢO LUẬN

Bạn hãy đưa ra một số NGUYÊN TẮC quản lý khi:

- + Khen thưởng .
- + Kỷ luật .
- + Phân chia lợi ích .

cuu duong than cong. com

# Các nguyên tắc quản lý cơ bản

1. Nguyên tắc sử dụng quyền lực hợp lý
2. Nguyên tắc quyền hạn tương xứng với trách nhiệm
3. Nguyên tắc thống nhất trong quản lý
4. Nguyên tắc kết hợp hài hoà các lợi ích
5. Nguyên tắc kết hợp đúng đắn các nguồn lực
6. Nguyên tắc thực hiện quy trình quản lý
7. Nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả

cuu duong than cong. com

# Nguyên tắc sử dụng quyền lực hợp lý

## Nội dung

Quyền lực được sử dụng đúng vị trí , đúng hoàn cảnh, đúng đối tượng, sự chia sẻ quyền lực được thực hiện một cách có hiệu quả

## Ý nghĩa

- Tránh lạm quyền, chuyên quyền, tiềm quyền,...
- Khuyến khích nhân viên đóng góp sức lực và ý tưởng
- Khai thác tối đa trí tuệ và sức mạnh tập thể

## Yêu cầu

- Công việc quản lý phải được mô tả rõ ràng, cụ thể
- Ủy quyền hợp lý
- Thiết lập hệ thống kiểm tra chặt chẽ

# Nguyên tắc quyền hạn tương xứng với trách nhiệm

## Nội dung

Sự tương xứng thể hiện qua mối quan hệ giữa quyền được ban hành, tổ chức thực thi và kiểm tra đánh giá các quyết định quản lý với kết quả và hậu quả của quá trình đó

## Ý nghĩa

Đảm bảo sự cân bằng giữa quyền hạn được giao và trách nhiệm đối với hiệu quả các công việc thực hiện

## Yêu cầu

- Mô tả công việc rõ ràng
- Phân công cụ thể
- Quan tâm đến đánh giá kiểm tra giám sát

# Nguyên tắc thống nhất trong quản lý

## Nội dung

Các cấp quản lý trong một cơ cấu tổ chức phải có sự thống nhất trong: ra quyết định quản lý, tổ chức thực hiện quyết định và kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện

## Ý nghĩa

Sử dụng nguyên tắc để tránh:

- + Gây ra mâu thuẫn, xung đột trong quá trình quản lý
- + Nguồn lực không tập trung

## Yêu cầu

- cần phải quán triệt quan điểm quản lý, trao đổi thảo luận trong quá trình ra quyết định quản lý, phân công nhiệm vụ rõ ràng và hợp lý, giao ban định kì.v.v.

# Nguyên tắc thực hiện quy trình quản lý

## Nội dung

Mọi nhà quản lý ở mọi lĩnh vực quản lý cần phải thực hiện quy trình quản lý: Lập kế hoạch và ra quyết định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.

## Ý nghĩa

- Thể hiện đặc trưng của lao động quản lý

## Yêu cầu

- chủ thể quản lý phải trang bị cho mình những kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cụ thể và kiến thức về khoa học quản lý, khoa học tổ chức, khoa học lãnh đạo.v.v.

# Nguyên tắc kết hợp hài hoà các lợi ích

## Nội dung

Chủ thể quản lý phải nhận thức được *hệ thống lợi ích* và *quan hệ lợi ích*, đảm bảo thực hiện chúng một cách hài hoà

## Ý nghĩa

Tạo động lực thúc đẩy con người làm việc, tạo ra và duy trì một môi trường mà ở đó mọi người có thể cùng nhau làm việc

## Yêu cầu

- + Thực hiện dân chủ trong xây dựng chính sách
- + Công bằng, công khai và minh bạch
- + Giải quyết các xung đột về vai trò và xung đột về lợi ích một cách khách quan

# Nguyên tắc kết hợp đúng đắn các nguồn lực

## Nội dung

Tìm ra phương án kết hợp tối ưu giữa các nguồn lực bên trong của tổ chức với nguồn lực bên ngoài

## Ý nghĩa

Đem lại hiệu quả cao nhất cho tổ chức với mức chi phí hợp lý

## Yêu cầu

- + Thiết kế bộ máy tổ chức phù hợp
- + Sử dụng, bố trí nguồn lực bên trong một cách hợp lý.
- + Thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn lực bên ngoài



# Nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả

## Nội dung

Nhà quản lý phải đưa ra các quyết định quản lý sao cho lượng chi phí nhất định có thể tạo ra nhiều giá trị sử dụng và lợi ích nhất để phục vụ con người

## Ý nghĩa

Đem lại hiệu quả cao nhất cho tổ chức với mức chi phí hợp lý

## Yêu cầu

- + Phân công công việc, giao quyền một cách phù hợp
- + Sử dụng hiệu quả các nguồn lực khác
- + Đầu tư có trọng điểm trong việc phát triển nhân lực
- + Đầu tư công nghệ đáp ứng yêu cầu của công việc

# Lưu ý khi vận dụng nguyên tắc quản lý

- Coi trọng việc hoàn thiện hệ thống nguyên tắc quản lý
- Vận dụng tổng hợp các nguyên tắc quản lý
- Cần có quan điểm toàn diện và hệ thống trong việc vận dụng các nguyên tắc quản lý
- Áp dụng linh hoạt

